

ĐÁP ÁN VÀ GỢI Ý HỖ TRỢ · Chỉ mở sau khi tự thử.

Dùng cùng phiếu học sinh; Bài, Câu và tr. chỉ đúng vị trí câu hỏi. Chọn bài theo điều cần biết trước, để trẻ tự thử rồi mới xem đáp án. Ghi riêng phần trợ giúp, chia nhỏ khi cần và thực hiện thật các hoạt động có đồ dùng.

CHUẨN BỊ CHUNG

Giấy nháp và bút; có thể dùng băng giấy chia phần bằng nhau để kiểm phân số.

CÁCH TỔ CHỨC

Đọc dữ kiện và nói điều cần tìm trước khi tính. Có thể tách số, vẽ sơ đồ hoặc dùng thẻ để giải thích.

Ghi cách làm và một phép kiểm phù hợp; chỉ mở đáp án sau khi đã tự thử.

LƯU Ý CHUNG

Chấp nhận cách làm khác nếu giữ đúng quan hệ và đơn vị. Với câu mở, ghi đúng ví dụ trẻ đã chọn, không buộc theo ví dụ đáp án.

Đọc lại nguyên đề khi cần và ghi riêng phần đã trợ giúp; không dùng tốc độ hoặc số trang để xác nhận hiểu toán.

Bài 1 · tr. 01 Ôn rút gọn và kiểm hai phân số bằng nhau

Mục tiêu Rút gọn và kiểm hai phân số bằng nhau bằng cùng một phép chia hoặc nhân.

Câu 1 · tr. 01 $\frac{18}{24} = \frac{3}{4}$; chia cả tử và mẫu cho 6.

Câu 2 · tr. 01 Có; $\frac{14}{21} = \frac{(14 : 7)}{(21 : 7)} = \frac{2}{3}$.

Câu 3 · tr. 01 Điền 12; cả tử và mẫu của $\frac{3}{5}$ cùng nhân 4, được $\frac{12}{20}$.

Câu 4 · tr. 02 $\frac{15}{25} = \frac{3}{5}$ vì cả tử và mẫu cùng chia 5. Chỉ chia tử làm lượng đổi; phải giữ phân số bằng phân số ban đầu.

Bài 2 · tr. 02 Ôn quy đồng khi một mẫu chia hết các mẫu còn lại

Mục tiêu Quy đồng khi một mẫu số đã cho chia hết các mẫu số còn lại.

Câu 1 · tr. 02 $\frac{1}{4} = \frac{2}{8}$; $\frac{5}{8}$ giữ nguyên.

LT1 · tr. 02 Có: $12 : 3 = 4$ và $12 : 4 = 3$. Mẫu 12 chia hết cả 3 và 4.

Câu 2 · tr. 03 $\frac{2}{5} = \frac{4}{10}$; $\frac{7}{10}$ giữ nguyên.

Câu 3 · tr. 03 Chọn 6: $\frac{1}{3} = \frac{2}{6}$; $\frac{5}{6}$ giữ nguyên; $\frac{1}{2} = \frac{3}{6}$.

Câu 4 · tr. 03 Không. 4 không chia hết 3 và 3 không chia hết 4. Cặp này không thuộc trường hợp một mẫu đã cho chia hết mẫu còn lại; học cách dùng mẫu tích ở đợt sau.

ĐÁP ÁN VÀ GỢI Ý HỖ TRỢ · Chỉ mở sau khi tự thử.

Bài 3 · tr. 04 **Ôn so sánh và xếp thứ tự phân số đúng điều kiện**

Mục tiêu So sánh và sắp không quá bốn phân số khi một mẫu đã cho chia hết các mẫu khác.

Câu 1 · tr. 04 $\frac{2}{3} = \frac{4}{6} > \frac{3}{6}$, nên $\frac{2}{3} > \frac{3}{6}$.

Câu 2 · tr. 04 $\frac{1}{4} < \frac{3}{8} < \frac{1}{2} < \frac{5}{8}$; các tử sau quy đồng mẫu 8 là 2; 3; 4; 5.

Câu 3 · tr. 04 $\frac{5}{6} > \frac{1}{3} = \frac{2}{6}$.

Câu 4 · tr. 04 $\frac{2}{5} = \frac{4}{10}$; $\frac{3}{10} < \frac{4}{10}$ nên $\frac{3}{10} < \frac{2}{5}$. So tử chỉ áp dụng khi đã cùng mẫu.

Bài 4 · tr. 05 **Ôn cộng, trừ phân số khi có mẫu chia hết**

Mục tiêu Ôn cộng, trừ phân số với mẫu số chung thỏa điều kiện đã học.

Ví dụ $\frac{1}{3} + \frac{1}{6} = \frac{2}{6} + \frac{1}{6} = \frac{3}{6} = \frac{1}{2}$. Giữ nguyên cỡ phần ở mẫu, cộng số phần ở tử.

Câu 1 · tr. 05 Mẫu 8; $\frac{1}{4} + \frac{3}{8} = \frac{2}{8} + \frac{3}{8} = \frac{5}{8}$.

Câu 2 · tr. 05 $\frac{9}{10} - \frac{4}{10} = \frac{5}{10} = \frac{1}{2}$.

Câu 3 · tr. 05 $\frac{7}{8} - \frac{1}{4} = \frac{7}{8} - \frac{2}{8} = \frac{5}{8}$ m; cộng $\frac{5}{8} + \frac{2}{8}$ được $\frac{7}{8}$ để kiểm.

Câu 4 · tr. 05 $\frac{3}{5} + \frac{1}{10} = \frac{6}{10} + \frac{1}{10} = \frac{7}{10}$. Quy đồng để các phần cùng cỡ; không cộng mẫu để tạo một cỡ phần khác.

Bài 5 · tr. 06 **Ôn nhân, chia phân số và giữ đúng đơn vị**

Mục tiêu Ôn nhân, chia phân số và kiểm ý nghĩa của đơn vị trong chuyện.

Ví dụ $\frac{3}{4} : \frac{1}{2} = \frac{3}{4} \times \frac{2}{1} = \frac{3}{2}$. Kiểm $\frac{3}{2} \times \frac{1}{2} = \frac{3}{4}$; phải đảo số chia, không đảo số bị chia.

Câu 1 · tr. 06 $\frac{6}{12} = \frac{1}{2}$.

Câu 2 · tr. 06 $\frac{5}{6} \times \frac{9}{5} = \frac{45}{30} = \frac{3}{2}$; $\frac{3}{2} \times \frac{5}{9} = \frac{15}{18} = \frac{5}{6}$.

Câu 3 · tr. 06 $28 : 4 = 7$ cây, cũng là $28 \times \frac{1}{4}$. Đáp số là 7 cây, không phải 7 phần tư cây.

Câu 4 · tr. 06 Phải đảo số chia $\frac{4}{5}$ thành $\frac{5}{4}$, giữ $\frac{2}{3}$. Kết quả $\frac{2}{3} \times \frac{5}{4} = \frac{10}{12} = \frac{5}{6}$.